

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG

Số: **186** /VP-KSTTHC

V/v tự đánh giá, chấm điểm để
xác định Chỉ số cải cách hành
chính cấp tỉnh năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày **09** tháng 02 năm 2021

Kính gửi: Sở Nội vụ

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 158/SNV ngày 22/01/2021 về việc đề nghị tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2020 và căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”, Văn phòng UBND tỉnh tự đánh giá, chấm điểm một số tiêu chí, tiêu chí thành phần theo nhiệm vụ được giao để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi đối với tiêu chí: “3. Cải cách thủ tục hành chính” và phối hợp cung cấp, chấm điểm đối với tiêu chí thành phần: “1.5. Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính”; “7.2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến”.

- Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo bảng tổng hợp.

(Có file điện tử bảng tổng hợp kết quả và các tài liệu kiểm chứng được gửi qua địa chỉ email: hqtrung-snv@quangngai.gov.vn)

Kính gửi Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

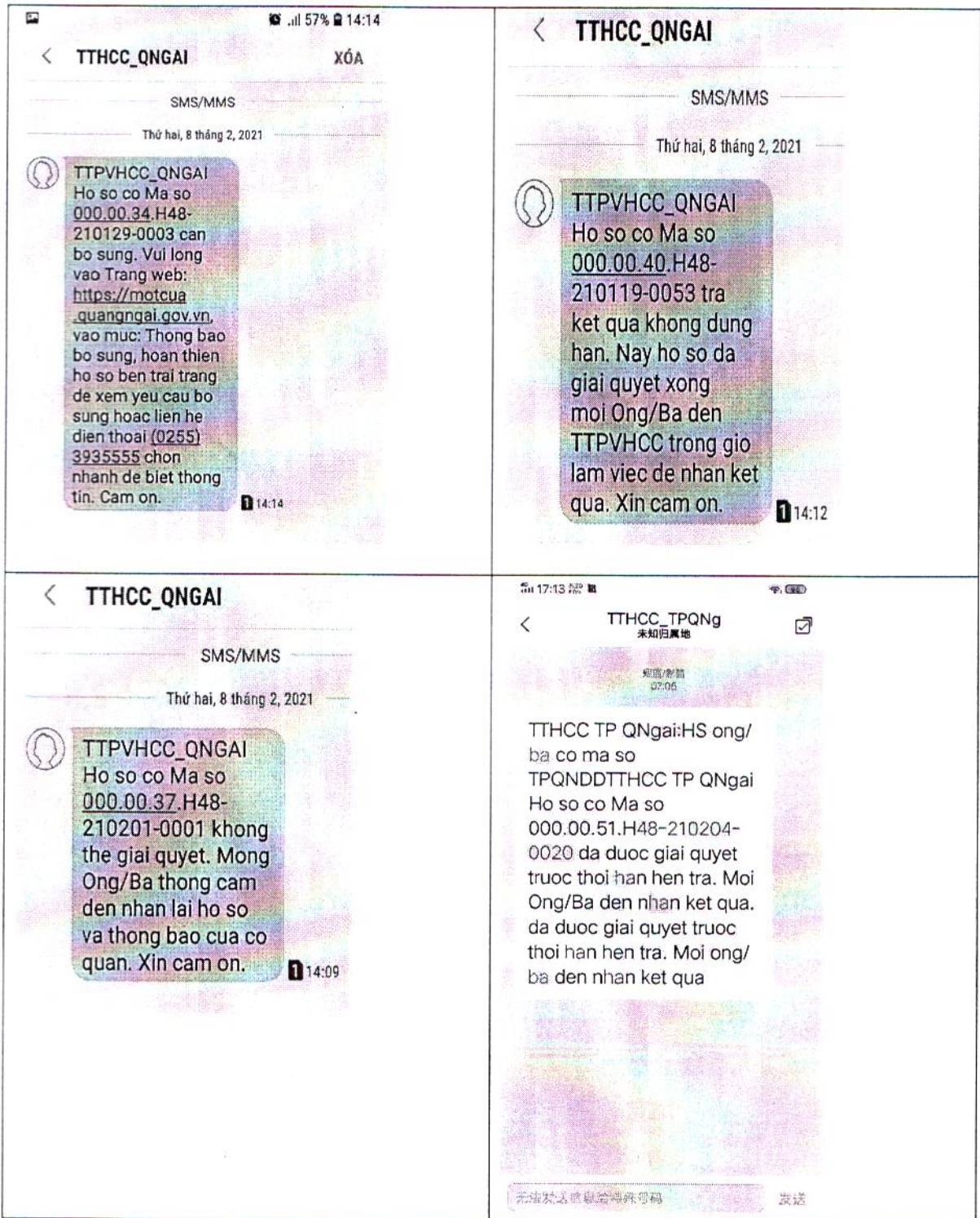
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- VPUB: CVP, PCVP, NC, TH, HC-TC, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC(latin).

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

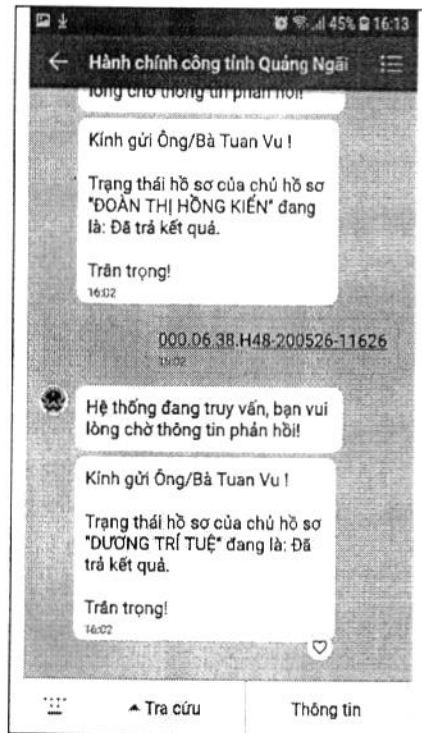


Nguyễn Văn Huy

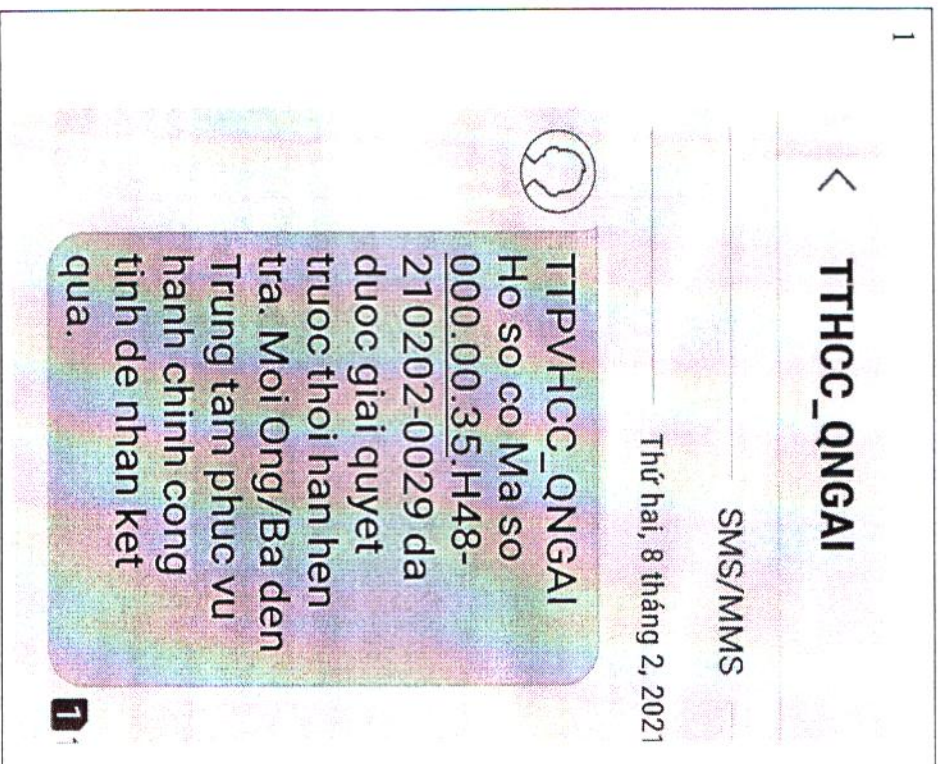
Hình ảnh SMS tổng đài Trung tâm tự động nhắn tin gửi đến tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc xin lỗi, hẹn lại ngày trả kết quả hoặc không giải quyết hoặc giải quyết trước thời hạn hẹn trả theo quy định của tỉnh Quảng Ngãi



Hình ảnh tra cứu hồ sơ qua trang zalo: **Hành chính công tỉnh Quảng Ngãi**



Hình ảnh SMS gửi đến tổ chức/công dân thông báo kết quả giải quyết của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi



DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3 VÀ 4 CÓ PHÁT SINH HỒ SƠ

THỰC THAM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số 486 /VP-KSTTHC ngày 09 /02/2021 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)



I. Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 cung cấp năm 2020: 376 TTHC.

II. Bảng tổng hợp chi tiết:

Stt	Tên dịch vụ hành chính công	Số lượng hồ sơ phát sinh từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/12/2020		Mức độ DVCTT		Địa chỉ tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến
		Trực tiếp	Trực tuyến	Mức độ 3	Mức độ 4	
	SỞ NỘI VỤ					
	Lĩnh vực tôn giáo					motcua.quangngai.gov.vn
1	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh			X		
2	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh			X		
3	Thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định 162/2017/NĐ-CP			X		

4	Thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo					x	
5	Thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo					x	
6	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo					x	
7	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo					x	
8	Thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành					x	
9	Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo					x	
10	Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh					x	
11	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh					x	
	Lĩnh vực thi đua, khen thưởng						
12	Đề nghị tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh thành tích					x	

	đội xuất						
13	Đề nghị tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh thành tích đối ngoại				X		
	Lĩnh vực quý						
14	Đổi tên Quý hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã				X		
15	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Quý hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã				X		
	SỞ TƯ PHÁP						
	Lĩnh vực lý lịch tư pháp						- dichvucong.gov.vn - llyp.moj.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
16	Cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1	6352	172			X	
17	Cấp phiếu lý lịch tư pháp số 2	1151	26			X	
	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ						
	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp						- dangkyquangang.dkkd.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
18	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	55	6			X	
19	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	320	143			X	
20	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	194	54			X	
21	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	182	27			X	
22	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	70	0			X	
23	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh	155	85			X	

	nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)							
24	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)						x	
25	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	80	30				x	
26	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	130	50				x	
27	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	80	20				x	
28	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	120	32				x	
29	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức						x	
30	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước						x	
31	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế						x	
32	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên						x	

33	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp				X	
34	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác				X	
35	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích				X	
36	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác				X	
37	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	205	138		X	
38	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	56	15		X	
39	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần				X	
40	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết				X	
41	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	150	42		X	
42	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo ủy quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	89	35		X	

43	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)					X	
44	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	380	386			X	
45	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	56	32			X	
46	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	77	25			X	
47	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)					X	
48	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động					X	
49	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	105	62			X	
50	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)					X	

51	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	100	90			X	
52	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)					X	
53	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)					X	
54	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)					X	
55	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân					X	
56	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp					X	
57	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp					X	
58	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp					X	
59	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	16	04			X	
60	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp					X	
61	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp					X	

	nghiệp								
62	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)								x
63	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)								x
64	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	15	03						x
65	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	26	07						x
66	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	19	06						x
67	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn								x
68	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp								x
69	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế								x
70	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp								x
71	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng								x
72	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	230	31						x
73	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	15	01						x
74	Giải thể doanh nghiệp	58	14						x

75	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án				X	
76	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	150	46		X	
77	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp				X	
	SỔ TÀI CHÍNH					
	Lĩnh vực Tin học và Thống kê					
78	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	407	11		X	- dichvucong.gov.vn - mstt.mof.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
	Lĩnh vực tài chính đầu tư					motcua.quangngai.gov.vn
79	Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm			X		
80	Thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án nhóm B			X		
81	Thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án nhóm C			X		
	Lĩnh vực quản lý Giá và Công sản					- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
82	Quyết định tiêu hủy tài sản công			X		
83	Mua hóa đơn lẻ			X		
84	Mua quyền hóa đơn			X		
85	Quyết định thanh lý tài sản công			X		

SỞ CÔNG THƯƠNG									
	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước								- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
86	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương						X		
87	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương						X		
88	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương						X		
89	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá						X		
90	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá						X		
91	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá						X		
92	Cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu						X		
93	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu						X		
94	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu						X		
95	Cấp mới Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu						X		
96	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu						X		
97	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu						X		

98	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương				X		
99	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương				X		
Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh							
100	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	5	03		X		- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
101	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	6	03		X		
102	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2	01		X		
103	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp				X		
104	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương				X		
Lĩnh vực xúc tiến thương mại							
105	Thông báo hoạt động khuyến mại	10681	6066			X	
106	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	1066	369			X	
107	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	4	1			X	
108	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	2	1			X	
109	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	52	25			X	

110	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	19	10			X		- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
	Lĩnh vực Thương mại quốc tế							
111	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ				X			
112	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập hình trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²				X			
113	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại				X			- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
	Lĩnh vực công nghiệp							
114	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm					X		- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
	Lĩnh vực hoá chất							
115	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp					X		
116	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa					X		

	chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp					
117	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			X		
118	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			X		
119	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			X		
120	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			X		
	Lĩnh vực an toàn thực phẩm					- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
121	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện			X		
122	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện			X		
	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
	Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật					- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
123	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký	04	01	X		

	hội thảo phân bón								
124	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	17	03	x	x				
125	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng					x			
126	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật					x			
	Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản								- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
127	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	107	04	x					
128	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	1957	424	x					
129	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	28	05	x					
130	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	15	01	x					

	Lĩnh vực thú y					- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
131	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	01	01	X		
132	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	3589	3405	X		
133	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm: tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	22	03	X		
134	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	03	02	X		
135	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	01	01	X		
	Lĩnh vực thủy lợi					- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
136	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh			X		

137	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh				x				- dichvucong.gov.vn - moitua.quangngai.gov.vn
	Lĩnh vực thủy sản								
138	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	03	03		x				
139	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)				x				
140	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	01	01		x				
141	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)				x				
142	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực				x				
143	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng				x				
144	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên				x				

145	Cấp giấy phép khai thác thủy sản	2004	995	X		
146	Cấp đổi, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản			X		
147	Gia hạn giấy phép khai thác thủy sản			X		
148	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá			X		
149	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	107	25	X		
150	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)			X		
151	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	130	22	X		
152	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	23	09	X		
153	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu			X		
154	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá			X		
155	Xóa đăng ký tàu cá	48	01	X		
156	Công bố mở cảng cá loại 2			X		
157	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	01	01	X		
158	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá			X		
159	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	2420	806	X		
160	Cấp số danh bạ thuyền viên tàu cá			X		
	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI					

	Lĩnh vực đường bộ						- qlvt.mt.gov.vn - vnsww.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
161	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	343	02	x			
162	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	94	02	x			
163	Cấp phù hiệu xe trung chuyển	03	05	x			
164	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển	06	11	x			
165	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	583	525	x			
166	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	3892	622	x			
167	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch					x	
168	Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch					x	
169	Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch					x	
170	Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện					x	

171	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện				X	
172	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào				X	
173	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia đối với phương tiện vận tải phi thương mại là xe công vụ, xe của các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao, xe do doanh nhân ngoại quốc tự lái trừ phương tiện của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, văn phòng các Bộ, các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao đóng tại Hà Nội				X	
174	Gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú tại Việt Nam				X	
175	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam			X		
176	Cấp Giấy phép xe tập lái			X		
177	Cấp lại Giấy phép xe tập lái			X		
178	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	11113	129	X		
179	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp			X		
180	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp			X		
181	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp			X		
	SỞ XÂY DỰNG					
	Lĩnh vực xây dựng					
182	Cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với:	06	03	X		moctua.quangngai.gov.vn

	tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng						
183	Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực)					X	
184	Cấp/cấp lại (trường hợp CCHN hết hạn sử dụng)/cấp chuyên đổi/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng					X	
185	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (Trường hợp CCHN rách, nát/thất lạc) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng					X	
186	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C					X	
187	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C					X	

188	Cấp giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến				X		
189	Cấp giấy phép xây dựng công trình theo tuyến				X		
190	Cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo				X		
191	Cấp giấy phép xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng				X		
192	Cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo				X		
193	Cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn				X		
194	Cấp giấy phép xây dựng cho dự án				X		
195	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình				X		
196	Cấp giấy phép di dời công trình				X		
197	Điều chỉnh giấy phép xây dựng				X		
198	Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng				X		
199	Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn				X		
	Lĩnh vực cấp chứng chỉ năng lực và chứng chỉ hành nghề						motcua.quangngai.gov.vn
200	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III				X		
201	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)				X		
202	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III				X		
203	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III				X		
204	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (đối				X		

	với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP) hạng II, hạng III							
205	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ hết thời hạn hiệu lực, mất, hư hỏng)						x	
	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng							motcua.quangngai.gov.vn
206	Cấp giấy phép quy hoạch						x	
	Lĩnh vực nhà ở và bất động sản							motcua.quangngai.gov.vn
207	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua						x	
208	Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP						x	
209	Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP						x	
210	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP						x	
211	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định						x	
212	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản						x	
213	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng						x	

214	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn)				X		- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
	Lĩnh vực vật liệu xây dựng						
215	Tiếp nhận công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	14	02		X		
216	Thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng				X		
	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG						
	Lĩnh vực đất đai						motcua.quangngai.gov.vn
217	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao				X		
218	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận				X		
	Lĩnh vực địa chất và khoáng sản						motcua.quangngai.gov.vn
219	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản				X		
220	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản				X		

221	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản					X		
222	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản					X		
223	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản					X		
224	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản					X		
225	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản					X		
226	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản					X		
227	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản					X		
	Lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm							- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
228	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất					X		
229	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở					X		
230	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký					X		
231	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký					X		
232	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký					X		
233	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu					X		
234	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận					X		

235	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai			X		
236	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất			X		
	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					
	Lĩnh vực báo chí					- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
237	Cấp Giấy phép xuất bản báo tin	19	10	X		
238	Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản báo tin			X		
239	Chấp thuận hợp báo cơ quan, tổ chức trong nước				X	
240	Cho phép hợp báo (trong nước)	01	01		X	
241	Cho phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phòng viên thường trú ở trong nước của cơ quan báo chí			X		
	Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành					- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
242	Đăng ký hoạt động cơ sở in			X		
243	Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	93	19	X		
244	Cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm			X		
245	Cấp Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	01	01	X		
	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử					motcua.quangngai.gov.vn
246	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin	03	02	X		

	điện tử tổng hợp								
	SỐ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI								
	Lĩnh vực việc làm - an toàn lao động								- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
247	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	614	262	x					
248	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	741	464	x					
249	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	02	02	x					
250	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	75	37	x					
251	Khai báo sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	08	01	x					
252	Đăng ký hợp đồng cá nhân đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài			x					
253	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày			x					
254	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng B (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tính, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý)			x					
255	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng			x					

	công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)					
	SỞ VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ DU LỊCH					
	Lĩnh vực văn hóa cơ sở					- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
256	Thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh			X		
257	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo			X		
	Lĩnh vực di sản văn hóa					motcua.quangngai.gov.vn
258	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích			X		
259	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích			X		
260	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích			X		
261	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích			X		
	Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn					- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
262	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương			X		
263	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên băng quảng cáo, băng-rôn	339	147	X		
264	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện	12	03	X		

	hoạt động khiêu vũ thể thao						
274	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt				X		
275	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ				X		
276	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông				X		
277	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn				X		
278	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá				X		
279	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo				X		
280	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lâu Sư Rồng				X		
281	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate				X		
282	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo				X		
283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh				X		
284	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay				X		
285	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động				X		

	du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch					
298	Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống du lịch				X	
299	Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm du lịch				X	
	Lĩnh vực dịch vụ du lịch khác					
300	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch			X		
301	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch			X		
302	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch			X		
303	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch			X		
304	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch			X		
	Lĩnh vực Karaoke, Vũ trường					
305	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường			X		
	Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm					
306	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại			X		

- dichvucong.gov.vn
- motcua.quangngai.gov.vn

307	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại				x		
308	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại				x		
309	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại				x		
310	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại				x		
311	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (cấp địa phương)				x		
	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ						
	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân						motcua.quangngai.gov.vn
312	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	10	08		x		
313	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)				x		
314	Sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)				x		
315	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	03	01		x		
316	Cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn bức xạ trong y tế)	07	04		x		

	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ						motcua.quangngai.gov.vn
317	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ			X			
318	Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ			X			
319	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	01	01			X	
	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng						motcua.quangngai.gov.vn
320	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu thuộc trách nhiệm của Bộ KH-CN	50	26	X			
321	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận	07	03	X			
322	Đăng ký công bố hợp quy đối với các hàng hóa sản xuất trong nước dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ KH-CN ban hành	05	03	X			
	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO						
	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo						motcua.quangngai.gov.vn
323	Chuyển trường đối với học sinh Trung học phổ thông	79	03	X			
324	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	02	02	X			
	Lĩnh vực hệ thống văn bản, chứng chỉ						- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
325	Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ số gốc	349	03	X			
326	Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ	14	01	X			
	SỞ Y TẾ						

	các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập							
	Lĩnh vực Dược phẩm, Mỹ phẩm							- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
336	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	01	01			X		
337	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là được chất gây nghiện, được chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế					X		
	Lĩnh vực quản lý trang thiết bị y tế							motcua.quangngai.gov.vn
338	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế					X		
339	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A					X		
340	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D.					X		
	SỞ NGOẠI VỤ							
	Lĩnh vực xuất nhập cảnh							motcua.quangngai.gov.vn
341	Cấp phép sử dụng thẻ doanh nhân APEC (ABTC)					X		
	CẤP HUYỆN							
	Lĩnh vực thư viện							motcua.quangngai.gov.vn
342	Dăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản					X		
	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo							motcua.quangngai.gov.vn
343	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở					X		

344	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo				X	
345	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn				X	
346	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người				X	
347	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc				X	
348	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ				X	
	Lĩnh vực viễn thông và Internet					motcua.quangngai.gov.vn
349	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng				X	
350	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng				X	
351	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng				X	
352	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng				X	
	Lĩnh vực xuất bản					
353	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy				X	motcua.quangngai.gov.vn
354	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy				X	
	Lĩnh vực chứng thực					
355	Cấp bản sao từ sổ gốc				X	

356	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận				X		
357	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực				X		
	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước						motcua.quangngai.gov.vn
358	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh				X		
359	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh				X		
360	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh				X		
361	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu				X		
362	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu				X		
363	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu				X		
	Lĩnh vực hộ tịch						motcua.quangngai.gov.vn
364	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài				X		
365	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài				X		
366	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài				X		
367	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài				X		
368	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch				X		

369	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân					x			motcua.quangngai.gov.vn
	Lĩnh vực xây dựng								
370	Cấp giấy phép xây dựng (giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép đi dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh (bao gồm công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động)	1797	13		x				
	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã								motcua.quangngai.gov.vn
371	Đăng ký hợp tác xã	185	01		x				
	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh								- dichvucong.gov.vn - motcua.quangngai.gov.vn
372	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	3204	11		x				
373	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh				x				
374	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh				x				
375	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh				x				
376	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh				x				
	TỔNG CỘNG	57.393	16.134		291		85		

Phụ lục

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ,
TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CHÍNH CẤP TỈNH NĂM 2020
THUỘC LĨNH VỰC ĐƯỢC PHÂN CÔNG CỦA VĂN PHÒNG UBND TỈNH**
(Kèm theo Công văn số 188 /VP-KSTTHC ngày 09 /02/2021 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	2.00			
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	2.00			
	<i>Có từ 3 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên: 2</i>				
	<i>Có từ 2 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên: 1.5</i>		1.50	Có 02 giải pháp trong cải cách TTHC: 1. Giải pháp 1: Tên “Thực hiện giải pháp làm việc ngày thứ bảy hàng tuần để trả kết quả giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai cho cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi”. - Văn bản triển khai: + Công văn số 471/VP-HCC ngày 05/5/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phối hợp làm việc sáng thứ 7 hàng tuần và bổ sung nhân sự phục vụ cho việc trả kết quả giải	

quyết TTHC đất đai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.

+ Công văn số 514/VP-HCC ngày 14/5/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thông báo trả kết quả giải quyết TTHC về lĩnh vực đất đai cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố vào sáng thứ 7 hàng tuần tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.

- **Áp dụng có hiệu quả trong thực hiện cải cách TTHC:**
Sở Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Vietcombank Quảng Ngãi và Bum điện tỉnh phối hợp làm việc ngày thứ bảy hàng tuần để trả kết quả giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai (không nhận hồ sơ đầu vào) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi, nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ người dân trong việc thực hiện TTHC lĩnh vực đất đai, nhất là việc trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi sau thời gian nghỉ gián cách do dịch Covid-19.

- **Hiệu quả trong triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC:**

+ Mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, khắc phục tình trạng người dân chờ đợi lâu khi đến nhận kết quả.

+ Giảm tải áp lực cho các ngày làm việc trong tuần và giải quyết số lượng lớn hồ sơ đã xử lý xong nhưng công dân chưa đến nhận kết quả.

2. **Giải pháp 2:** Tên “Thực hiện một số biện pháp cấp bách đối với việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trong phòng chống dịch bệnh Covid”:

- Văn bản triển khai: Công văn số 1334/UBND-HCC của

				<p>Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện một số biện pháp cấp bách đối với việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trong đợt cao điểm phòng, chống dịch bệnh Covid-19.</p> <p>- Áp dụng có hiệu quả trong thực hiện cải cách TTHC: Yêu cầu các cơ quan, đơn vị và địa phương hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện phương thức nộp trực tuyến qua mạng, nộp, nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính đối với những TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến, qua đường bưu chính, không tiếp nhận hồ sơ trực tiếp trong thời gian công bố hạn chế tập trung đông người để phòng chống dịch bệnh.</p> <p>- Hiệu quả trong triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC: + Nâng cao số lượng hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến, qua đường bưu chính. + Tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện TTHC của tổ chức, cá nhân. + Hạn chế tụ tập đông người, giảm thiểu khả năng lây lan dịch bệnh. + Góp phần nâng cao tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến, qua đường bưu chính có phát sinh hồ sơ trong năm và tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến, qua đường bưu chính trên địa bàn tỉnh, nâng cao điểm số cải cách hành chính trong năm của tỉnh.</p>	
	<i>Có 1 sáng kiến hoặc giải pháp mới: 1</i>				
	<i>Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0</i>				
3	CÀI CÁCH THỨ TỰC	13.50			

HÀNH CHÍNH					
3.1	<i>Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)</i>	1.00			
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0.50	0.50		<p>Trong năm 2020, tỉnh Quảng Ngãi không xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về TTHC, được báo cáo tại Khoản 1 Mục I Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>
	<i>Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền: 0.5</i>				
	<i>Có TTHC ban hành trái thẩm quyền: 0</i>				
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0.50	0.50		<p>Rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC so với khung quy định của Trung ương đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở trên địa bàn tỉnh, sau khi Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt rút ngắn thời gian giải quyết thì tại Bộ phận Một cửa áp dụng ngay thời gian giải quyết được rút ngắn để giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, cụ thể:</p> <p>1. Trong năm 2020, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND, trong đó xác định rà soát, đánh giá TTHC các nhóm quy định, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền, gắn với mục tiêu cắt giảm tới thiểu 10% chi phí tuân thủ TTHC mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC, trong đó gắn với chỉ tiêu phần đầu rút ngắn</p>

			<p>30% thời gian giải quyết TTHC so với khung thời gian quy định chung của Trung ương.</p> <p>Qua rà soát, rà soát 88 TTHC của 09 nhóm quy định, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 03 quyết định phê duyệt Danh mục TTHC được rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 - 50% so với quy định pháp luật đối với đối với 12 TTHC trên 04 lĩnh vực, được báo cáo tại Khoản 3 Mục I Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>2. Các văn bản xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi. - Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi. - Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định pháp luật thuộc 	
--	--	--	--	--

					thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi	
		<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>				
		<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
3.2		Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	3.50			
3.2.1		Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	0.25	0.25		Trong năm 2020, tỉnh Quảng Ngãi đã công bố đầy đủ, kịp thời TTHC, Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; Danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa của các cấp chính quyền, được báo cáo tại điểm a khoản 2 Mục I và Khoản 4 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 18 quyết định công bố kịp thời danh mục 99 TTHC mới ban hành, 112 TTHC sửa đổi, bổ sung và 18 TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của 10 sở và 02 đơn vị, địa phương.
		<i>Đúng quy định: 0.25</i>				
		<i>Không đúng quy định: 0</i>				

	<i>Dùng quy định: 0.25</i>				
	<i>Không dùng quy định: 0</i>				
3.2.3	Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	0.75			
	<i>100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCM cấp tỉnh đã được công bố quy trình nội bộ: 0.25</i>		0.25		
	<i>100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND</i>		0.25		
					Trong năm 2020, thực hiện nhập kịp thời TTHC được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, cụ thể: Tích hợp, nhập sửa đổi, bổ sung thông tin của 212 TTHC và bãi bỏ 43 TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, được báo cáo tại điểm c Khoản 2 Mục I Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
					Trong năm 2020, tỉnh Quảng Ngãi thường xuyên cập nhật, ban hành cơ bản quy trình nội bộ giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, được báo cáo tại Điểm b Khoản 3 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
					Trong năm 2020, tỉnh Quảng Ngãi thường xuyên cập nhật, ban hành cơ bản quy trình nội bộ giải quyết thuộc thẩm quyền

	<i>cấp huyện đã được công bố quy trình nội bộ: 0.25</i>		giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh, được báo cáo tại Điểm b Khoản 3 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
	<i>100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã đã được công bố quy trình nội bộ: 0.25</i>	0.25	Trong năm 2020, tỉnh Quảng Ngãi thường xuyên cập nhật, ban hành cơ bản quy trình nội bộ giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh, được báo cáo tại Điểm b Khoản 3 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
3.2.4	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	0.75		
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 0.75</i>	0.75	Năm 2020, các TTHC sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, 100% các sở, ban ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã đều thực hiện niêm yết công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết của đơn vị mình và niêm yết công khai 100% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết tại Trung	

				tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi, được báo cáo tại gạch đầu dòng thứ hai điểm b Khoản 2 Mục I Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
	<i>Từ 85% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0.5</i>				
	<i>Từ 70% - dưới 85% số cơ quan, đơn vị: 0.25</i>				
	<i>Dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0</i>				
3.2.5	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	0.75	0.75	<p>Tất cả TTHC sau khi Chủ tịch UBND tỉnh công bố đều được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương, được báo cáo tại gạch đầu dòng thứ nhất Khoản 2 Mục I Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:</p> <p>- Tất cả TTHC được công khai đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-thc-thu-tuc-hanh-</p>	

			<p>chinh.html.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC, danh mục TTHC đều đăng tải công khai tại mục “THỦ TỤC HÀNH CHÍNH” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: http://www.quangngai.gov.vn và mục “Văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh Quảng Ngãi” tại địa chỉ: http://vanban.quangngai.gov.vn/. - 100% số, ban ngành của tỉnh đều công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử của đơn vị mình. - 100% các huyện, thị xã, thành phố đăng tải công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử của địa phương mình. - Tất cả TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi được đăng tải công khai trên Cổng dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: https://motcua.quangngai.gov.vn. 	
			<p>100% số TTHC được công khai đầy đủ trên Cổng TTĐT của tỉnh: 0.25</p> <p>100% số CQCM cấp tỉnh công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình: 0.25</p> <p>100% số ĐVHC cấp huyện</p>	

	<i>công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình: 0.25</i>			
3.2.6	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Công TTĐT hoặc Công dịch vụ công của tỉnh	0.75		
	<i>100% CQCM cấp tỉnh đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: 0.25</i>	0.25		
			<p>Năm 2020, việc tiếp nhận, tiến độ xử lý hồ sơ, trả kết quả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 16/16 sở thuộc UBND tỉnh được cập nhật và công khai trên Công Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi và tại các mục: “Thông báo hồ sơ đã giải quyết; Thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Thông báo tạm dừng giải quyết; Thông báo trả kết quả giải quyết”, địa chỉ: https://motcua.quangngai.gov.vn; đồng thời Hệ thống tổng đài của Trung tâm tự động gửi tin nhắn SMS thông báo đến chủ hồ sơ khi có kết quả giải quyết trước hạn, thông báo xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, thông báo trả hồ sơ không giải quyết, thông báo bổ sung hồ sơ. Ngoài ra, tổ chức, cá nhân có thể tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ nhanh qua mạng Zalo, qua Công Dịch vụ công của tỉnh (https://motcua.quangngai.gov.vn) tại mục “TRA CỨU TIẾN ĐỘ XỬ LÝ” hoặc qua tổng đài điện thoại Trung tâm.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <p>- Nội dung này báo cáo tại gạch đầu dòng thứ nhất Điểm a Khoản 6 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa,</p>	

				<p>một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>- Hình ảnh tin nhắn được Hệ thống tổng đài của Trung tâm tự động gửi đến tổ chức, người dân khi thông báo có kết quả giải quyết trước hạn, thông báo xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, thông báo trả hồ sơ không giải quyết, thông báo bỏ sung hồ sơ.</p>	
	<p><i>100% UBND cấp huyện đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: 0.25</i></p>	<p>0.25</p>	<p>Năm 2020, tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn thành kết nối liên thông đến cấp huyện; việc tiếp nhận, tiến độ xử lý hồ sơ, trả kết quả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được cập nhật và công khai trên Cổng Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi của 13/13 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh và các mục: “Thông báo hồ sơ đã giải quyết; Thông báo bỏ sung, hoàn thiện hồ sơ; Thông báo tạm dừng giải quyết; Thông báo trả kết quả giải quyết”, tại các địa chỉ:</p> <p>https://motcuabinhson.quangngai.gov.vn; https://motcuaducpho.quangngai.gov.vn; https://motcuason tinh.quangngai.gov.vn; https://motcuatung hia.quangngai.gov.vn; https://motcuamoduc.quangngai.gov.vn; https://motcuanghiahanh.quangngai.gov.vn; https://motcuabato.quangngai.gov.vn; https://motcuaminhlong.quangngai.gov.vn; https://motcuasoha.quangngai.gov.vn; https://motcuatrabong.quangngai.gov.vn; https://motcuasantay.quangngai.gov.vn;</p>		

			<p>https://motalyson.quangngai.gov.vn.</p> <p>Đồng thời, Hệ thống tổng đài một số huyện, thành phố tự động gửi tin nhắn SMS, nhắn tin thông báo đến chủ hồ sơ khi có kết quả giải quyết trước hạn. Ngoài ra, tổ chức, cá nhân có thể tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ qua Công Dịch vụ công của 13 huyện, thị xã, thành phố tại mục “TRA CỨU TIẾN ĐỘ XỬ LÝ” hoặc qua điện thoại của Bộ phận Một cửa các huyện, thị xã, thành phố.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <p>Nội dung này báo cáo tại gạch đầu dòng thứ nhất Điểm a Khoản 6 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>	
	<p>100% UBND cấp xã đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: 0.25</p>	<p>0.25</p>	<p>Năm 2020, tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn thành Kết nối liên thông đến cấp xã; việc tiếp nhận, tiến độ xử lý hồ sơ, trả kết quả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 173/173 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được cập nhật và công khai trên Công Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi của 13/13 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh hoặc tại các mục: “Thông báo hồ sơ đã giải quyết; Thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Thông báo tạm dừng giải quyết; Thông báo trả kết quả giải quyết”. Đồng thời, tổ chức, cá nhân có thể tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ qua Công Dịch vụ công của 13 huyện, thị xã, thành phố tại mục “TRA CỨU TIẾN ĐỘ XỬ LÝ” hoặc qua điện thoại của Bộ phận</p>	

				<p>Một cửa cấp xã.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <p>Nội dung này báo cáo tại gạch đầu dòng thứ nhất Điểm a Khoản 6 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>	
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3.00			
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	1.00			
	Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh: 0.25		0.25	<p>1. Tất cả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban ngành thuộc tỉnh đều thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa của cơ quan, đơn vị mình. Trừ những TTHC đặc thù theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, tỉnh Quảng Ngãi đã đưa vào tiếp nhận, trả kết quả giải quyết 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 16/16 sở thuộc tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng: Nội dung này được báo cáo tại Điểm a Khoản 3 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa,</p>	

			<p>một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>2. Văn bản phê duyệt Danh mục TTHC thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tỉnh Quảng Ngãi đã lồng ghép việc phê duyệt danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp chính quyền địa phương với công bố danh mục TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và TTHC bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.</p>
	<p>Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện: 0.5</p>	0.50	<p>Trừ những TTHC đặc thù theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ thì tất cả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 13/13 huyện, thị xã, thành phố được tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng: Nội dung này được báo cáo tại Điểm a Khoản 3 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>
	<p>Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết</p>	0.25	<p>Trừ những TTHC đặc thù theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ thì tất cả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 173/173 xã,</p>

	của UBND cấp xã: 0.25		<p>phương, thị trấn trên địa bàn tỉnh được tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng: Nội dung này được báo cáo tại Điểm a Khoản 3 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	0.50	
	Từ 80% số TTHC trở lên: 0.5	0.5	<p>1. Thực hiện theo danh mục TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã; tỉnh Quảng Ngãi đã phê duyệt 32 TTHC của ngành dọc (thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh) vào thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp, cụ thể như sau:</p> <p>- Số TTHC ngành dọc thực hiện tại Bộ phận Một cửa các</p>

			<p>cấp là 32 TTHC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số TTHC tỉnh Quảng Ngãi phải thực hiện theo danh mục tại Quyết định 1291/QĐ-TTg là 36/48 TTHC, trừ 12 TTHC trong lĩnh vực Cấp, quản lý căn cước công dân hiện Bộ Công an chưa triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh. - Tỷ lệ số TTHC trong Danh mục đã đưa ra thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp là $(32/36) * 100\% = 88,9\%$. (trên 80%) <p>Như vậy, điểm đánh giá là 0.5 điểm.</p> <p><i>* Ngoài ra, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã triển khai giải quyết TTHC của ngành Thuế, Kho bạc Nhà nước:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc giải quyết TTHC về khai báo thuế, nhận thông báo thuế, thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai ngay tại Trung tâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thuế thành phố. - Việc thu tiền sử dụng đất nộp vào ngân sách Nhà nước được thực hiện qua Kho bạc Nhà nước. - Việc thu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính về đất đai được Ngân hàng Vietcombank Quảng Ngãi thu hộ, quản lý chuyên về cơ quan, Kho bạc Nhà nước. <p>2. Tài liệu kiểm chứng: Nội dung này được báo cáo tại Khoản 4 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa</p>	
--	--	--	--	--

	nhóm TTHC: 0.25			
	Dưới 10 TTHC hoặc nhóm TTHC: 0			
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	5.00		
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1.50	1.472	<p>Báo cáo tại Biểu số II.06c/VPCP/KSTT kèm theo Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm 2020 được giải quyết trước hạn, đúng hạn và trong hạn: 178+144685+1909 = 146.772. - Tổng số hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh đã tiếp nhận trong năm 2019: 149.516. - Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn: $146.772/149.516 * 100\% = 98,16\%$ <p>Như vậy, điểm đánh giá là: $97,16\% * 1.5 = 1.472$.</p>
	Từ 95%-100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn x 1.50)/100%.			
	Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết			

	<i>đúng hạn: 0</i>						
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1.50	1.425		Báo cáo tại Biểu số II.06c/VPCP/KSTT kèm theo Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: - Tổng số hồ sơ do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm 2020 được giải quyết trước hạn, đúng hạn và trong hạn: $22+86945+2540 = 89.507$. - Tổng số hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện đã tiếp nhận trong năm 2020: 94.218. - Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn: $89.507/94.218*100\% = 95,00\%$. Như vậy, điểm đánh giá là: $95,00\%*1.5 = 1.425$.		
3.4.2	<i>Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn x 1.50)/100%.</i>						
	<i>Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>						
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết	1.00	0.999		Báo cáo tại Biểu số II.06c/VPCP/KSTT kèm theo Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành		

	đúng hạn			<p>chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số hồ sơ do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm 2020 được giải quyết trước hạn, đúng hạn và trong hạn: 2443+718301+779 = 721.523. - Tổng số hồ sơ TTHC do UBND cấp xã đã tiếp nhận trong năm 2020: 722.011. - Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn: $721.523/722.011 * 100\% = 99,93\%$. <p>Như vậy, điểm đánh giá là: $99,93\% * 1.00 = 0.999$.</p>	
	<p>Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn x 1.00)/100%.</p>				
	<p>Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</p>				
3.4.4	<p>Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi đề xây ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC</p>	0.25	0.25	<p>Năm 2020, đối với hồ sơ bị giải quyết quá thời hạn quy định các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết ban hành thông báo xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả để tổ chức, cá nhân biết và các thông báo xin lỗi cập nhật vào phần mềm Công Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh và thông báo công khai văn bản xin lỗi của các cơ quan để tổ chức, cá</p>	

				<p>nhân biết tại mục “Thông báo xin lỗi hồ sơ trễ hạn”, địa chỉ: https://motcua.quangnai.gov.vn/thong-bao-ho-so-tre-hen; đồng thời hệ thống tổng đài của Trung tâm cũng tự động nhắn tin xin lỗi gửi đến tổ chức, cá nhân.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung này được báo cáo tại điểm b Khoản 6 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. - Một số hình ảnh về việc hệ thống tổng đài của Trung tâm tự động nhắn tin xin lỗi gửi đến tổ chức, cá nhân khi trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC.
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.25</i>			
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>			
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	0.75	0.75	<p>Việc đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị được thực hiện qua thiết bị Tablet hoặc Phiếu đánh giá đặt tại quầy tiếp nhận hồ sơ hoặc có thể đánh giá mức độ hài lòng qua Công dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh, tại địa chỉ: https://motcua.quangnai.gov.vn/danh-gia.</p> <p>Cụ thể, trong năm 2020 đã có 42.697 lượt đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC,</p>

					<p>trong đó đánh giá rất hài lòng và đánh giá hài lòng là 42.617 lượt (chiếm tỷ lệ 99,8%); đánh giá bình thường: 75 lượt (0,2%); đánh giá không hài lòng: 01 lượt.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng: Nội dung này được báo cáo tại Khoản 7 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>	
	Từ 80% - 100% CQCM cấp tỉnh đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 0.25	0.25				
	Từ 80% - 100% UBND cấp huyện đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 0.25	0.25				
	Từ 80% - 100% UBND cấp xã đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 0.25	0.25				
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1.00				
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của					

	tỉnh						
	<i>Tất cả PAKN đã được trả lời: 0.75</i>	0.75	0.75	0.75	<p>Báo cáo tại Biểu số II.05b/VPCP/KSTT kèm theo Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số PAKN phải trả lời: 199. - Số PAKN đã được trả lời: 199. - Số PAKN đang trả lời: 0. <p>Như vậy, điểm đánh giá: $199/199 * 0.75 + 0/199 * 0.25 = 0.75$ điểm.</p>		
	<i>Tất cả PAKN đang trả lời: 0.25</i>	0.25					
3.5.2	Công khai trả kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	0.25	0.25	0.25	<p>Trong năm 2020, các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính đều được tiếp nhận, phân loại đề xử lý kịp thời và khi có kết quả trả lời của các cơ quan, đơn vị có liên quan đều được công khai đầy đủ tại mục "<i>Văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh Quảng Ngãi</i>" tại địa chỉ: http://vanban.quangngai.gov.vn/ đối với PAKN tiếp nhận qua đường dây nóng của tỉnh, hộp thư điện tử và văn bản của cá nhân, tổ chức và trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Chính phủ đối với PAKN tiếp nhận trên Công Dịch vụ công quốc gia.</p>	<p>Tài liệu kiểm chứng: Nội dung được báo cáo tại Khoản 4</p>	

				Mục I Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0.25				
	Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0				
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1.5			
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.5			
	Từ 50% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.5				
	Dưới 50% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: (Tỷ lệ %*0.50)/50%		0.271	Được báo cáo tại Điểm a Khoản 5 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Danh mục	

				<p>TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Quảng Ngãi năm 2020 kèm theo, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 cung cấp trên địa bàn tỉnh: 376 TTHC. - Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 102 TTHC. - Tỷ lệ số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trong năm: $102/376 = 27,13\%$. <p>Như vậy, số điểm đánh giá: $(27,13\% * 0,5) / 50\% = 0,271$ điểm.</p>
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	1.00	1.00	<p>Được báo tại Điểm a Khoản 5 Mục II Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Danh mục TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Quảng Ngãi năm 2020 kèm theo, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và 4: $57.393 + 16.134 = 73.527$ hồ sơ. - Số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến tương ứng với các TTHC
	<i>Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>		1.00	

				cung cấp dịch vụ công mức độ 3 và 4: 16.134 hồ sơ. - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4: 16.134/73.527 = 21,94 %. (trên 20%). Như vậy, điểm đánh giá là: 1.00 điểm.	
	Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % số hồ sơ x 1.00)/20%.				
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0				
	TỔNG ĐIỂM	17.00	16.167		



DANH MỤC

Thu lục hành chính TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền khác nhau trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Cơ sở pháp lý số 186/VP-KSTTHC ngày 09/02/2021 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)



STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	SỞ TƯ PHÁP	<i>Công bố tại:</i> Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 11/01/2017. <i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực công chứng		
1	Bỏ nhiệm công chứng viên		
2	Bỏ nhiệm lại công chứng viên		
3	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Sở Tư pháp.	Bộ Tư pháp.
4	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp bị miễn nhiệm)		
	Lĩnh vực luật sư		
5	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được đặt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư		
6	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư	Sở Tư pháp.	Bộ Tư pháp.
7	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm a, b, c, e và k khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư		
8	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm d và đ khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư		
9	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm g, h và i khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư		
	Lĩnh vực quốc tịch		
10	Nhập Quốc tịch Việt Nam		UBND tỉnh - Bộ Tư pháp - Chính Phủ - Chủ tịch nước
11	Trở lại Quốc tịch Việt Nam	Sở Tư pháp.	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: Chủ tịch nước. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Tư pháp. - Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ, VP UBND tỉnh, Công an tỉnh.
12	Thôi Quốc tịch Việt Nam		<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: Chủ tịch nước. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Tư pháp. - Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ, Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh.
13	Cấp giấy xác nhận có Quốc tịch Việt Nam		Cục hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp,

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Lĩnh vực nuôi con nuôi		Công an tỉnh, UBND cấp xã.
14	Đăng ký việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi		Bộ Tư pháp.
15	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1		Công an tỉnh - Trung tâm LLTP Quốc gia.
16	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp số 2	Sở Tư pháp.	
	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	<i>Công bố tại:</i> Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 21/12/2017. <i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực đầu tư		
17	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Cơ quan quyết định: Thủ tướng Chính phủ. - Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
18	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Cơ quan quyết định: Quốc hội. - Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Chính phủ. - Thủ tướng Chính phủ. - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
19	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính	- Cơ quan quyết định: Thủ	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	tướng Chính phủ. - Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
20	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Cơ quan quyết định: Thủ tướng Chính phủ. - Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
21	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Cơ quan quyết định: Thủ tướng Chính phủ. - Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	- Công bố tại: Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 14/11/2019. - Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã.	
	Lĩnh vực lao động - tiền lương		
22	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- UBND cấp huyện. - UBND cấp xã.
	Lĩnh vực người có công		
23	Giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945	Sở lao động - thương binh và xã hội.	- Bộ LĐTBXH. - Các cơ quan Trung ương

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			<ul style="list-style-type: none"> khác. - Tỉnh ủy, Thành ủy. - Ban Tổ chức TW. - UBND cấp xã.
24	Giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	Sở lao động - thương binh và xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ LĐTBXH. - Các cơ quan Trung ương khác. - Tỉnh ủy, Thành ủy. - Ban Tổ chức TW. - UBND cấp xã.
25	Xác nhận liệt sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. - UBND cấp huyện. - UBND cấp xã.
26	Đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”	Cơ quan quyết định: Chủ tịch nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Bộ Chỉ huy sự tình. - Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng). - UBND cấp tỉnh. - UBND cấp huyện. - UBND cấp xã.
27	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân,	Sở Lao động - Thương	UBND cấp xã, Phòng Lao

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	binh và Xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
28	Giải quyết chế độ đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp tỉnh. - UBND cấp huyện. - UBND cấp xã. - Hội Cựu Thanh niên xung phong. - Hội Cựu chiến binh. - Hội người cao tuổi. - Sở Nội vụ. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
29	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Cơ quan quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã có liên quan. - Cơ quan y tế các cấp. - UBND cấp huyện liên quan. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện liên quan. - Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh. - Hội nạn nhân chất độc da cam tỉnh.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
30	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	Cơ quan quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã có liên quan. - Hội tù yêu nước các cấp. - UBND cấp huyện liên quan. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện liên quan. - Các cơ quan, đơn vị liên quan.
31	Giải quyết chế độ người HDKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Cơ quan quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã có liên quan. - UBND cấp huyện liên quan. - Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; - Phòng Nội vụ cấp huyện (Ban Thi đua - Khen thưởng cấp huyện, TP) - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện liên quan.
32	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Cơ quan quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã có liên quan. - UBND cấp huyện liên quan.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
33	Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	Cơ quan quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện liên quan. - UBND cấp huyện liên quan. - Các cơ quan, đơn vị liên quan. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện liên quan. - UBND cấp xã có liên quan.
34	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	Cơ quan quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã có liên quan. - UBND cấp huyện liên quan. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện liên quan.
35	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã có liên quan. - Cơ quan quân sự cấp huyện, tỉnh liên quan. - UBND cấp huyện liên quan. - Phòng Lao động -

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			Thương binh Xã hội cấp huyện liên quan. + Cơ quan quản lý Nghĩa trang liệt sĩ.
36	Giải quyết chế độ đối ưu đãi với thân nhân liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - UBND cấp xã.
37	Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.	- UBND cấp xã có liên quan. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện liên quan. - Cơ quan, đơn vị liên quan (có đối tượng di chuyển).
38	Đổi hoặc cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công	Cơ quan quyết định: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	- UBND cấp xã có liên quan. - UBND cấp huyện liên quan. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện liên quan.
39	Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp: - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù;	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.	- UBND cấp xã. - UBND cấp huyện. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

STT	Tên TTIC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	<ul style="list-style-type: none"> - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra. 		
40	Giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã. - UBND cấp huyện. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố.
41	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Quảng Ngãi.	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã có liên quan. - Cơ sở y tế có liên quan. - UBND cấp huyện liên quan. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện liên quan. - Trung tâm nuôi dưỡng thương bệnh binh và người có công (Trung tâm).
42	Xác nhận liệt sĩ đối với người hy sinh không thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện; Công an cấp huyện; Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh; Công an cấp tỉnh, Cục	Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu Thanh niên xung phong hoặc Ban Liên lạc Thanh niên xung phong.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		Chính sách - Tổng cục chính trị; Cục Chính sách-Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân; Phòng LPTBXH, Sở LPTBXH; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; cơ quan, xí nghiệp, nông trường, lâm trường; cơ quan thuộc Chính phủ.	
43	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với những trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa được cấp Bằng	UBND cấp tỉnh.	- Bộ LĐ-TBXH. - Cơ quan thuộc Chính phủ.
44	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- UBND cấp huyện. - UBND cấp xã.
45	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	UBND cấp xã. - Sở Y tế.
46	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố. - UBND cấp xã.
47	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện thành phố. - UBND cấp xã.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
48	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố. - UBND cấp xã.
49	Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trở lên, các cơ quan liên quan theo thẩm quyền. - UBND cấp xã.
50	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố. - UBND cấp xã.
51	Giới thiệu người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đi giám định lại tỷ lệ suy giảm khả năng lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> Hội đồng giám định y khoa tỉnh.
52	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Phòng LĐTBXH, Sở LĐTBXH, Sở Nội vụ, UBND tỉnh, Bộ GTVT, các cơ quan có liên quan.	<ul style="list-style-type: none"> Cơ quan phối hợp: Hội Cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu Thanh niên xung phong hoặc Ban liên lạc Thanh niên xung phong, Ban chỉ huy quân sự, Công an cấp xã, Công an cấp huyện.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
53	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố. - UBND cấp xã.
54	Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	UBND cấp xã.
55	Giải quyết trợ cấp tuất hàng tháng khi người có công từ trần	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng LĐ-TB&XH. - UBND cấp xã.
56	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - UBND cấp xã.
57	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Chủ tịch UBND tỉnh. - Sở Nội vụ. - Hội cựu TNXP, các cơ quan liên quan. - UBND cấp xã.
58	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Chủ tịch UBND tỉnh. - Sở Nội vụ. - Hội cựu TNXP, các cơ quan liên quan. - UBND cấp xã.
59	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng LĐTBXH, cơ sở giáo dục phổ thông, nghề nghiệp, đại học.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
60	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Thương binh và Xã hội.	- UBND cấp xã. - Phòng Lao động Thương binh và Xã hội. - UBND cấp xã.
61	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động Thương binh và Xã hội. - UBND cấp xã. - Các cơ quan liên quan.
	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn		
62	Công nhận làng nghề truyền thống	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Văn phòng UBND tỉnh. - UBND cấp huyện.
63	Công nhận nghề truyền thống		
64	Công nhận làng nghề		
65	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển	- Văn phòng UBND tỉnh. - UBND cấp huyện. - UBND cấp xã.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
66	Hỗ trợ dự án liên kết	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan. - UBND cấp huyện.
	Lĩnh vực Thủy sản		
67	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND tỉnh. - UBND cấp huyện. - UBND cấp xã.
68	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)		
	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI		
	Lĩnh vực thẩm định dự án, thiết kế, dự toán		
69	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh		<p><i>Công bố tại: Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 28/6/2017.</i></p> <p><i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.</i></p>
70	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	Sở Giao thông vận tải.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - UBND cấp huyện.
71	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	điều chỉnh		
	<p style="text-align: center;">SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</p>	<p>Công bố tại: Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/4/2018; Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 28/6/2019.</p> <p>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi (đối với UBND thành phố Quảng Ngãi; Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện (đối với 13 huyện còn lại).</p>	
72	<p>Lĩnh vực đất đai (do Hộ gia đình, cá nhân thực hiện)</p> <p>Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (<i>Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất</i>)</p>	<p>- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; Phòng Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>- UBND cấp xã.</p> <p>- Cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp.</p> <p>- Cơ quan thuế.</p> <p>- Kho bạc Nhà nước.</p> <p>- Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>
73	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất		
74	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân		
75	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		
76	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		
77	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
78	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận		<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã. - Cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp. - Cơ quan thuế. - Kho bạc Nhà nước. - Phòng Tài nguyên và Môi trường.
79	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường. 	
80	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai. 	
81	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu		<ul style="list-style-type: none"> - Kho bạc Nhà nước. - Phòng Tài nguyên và Môi trường.
82	Tách thửa hoặc hợp thửa đất		
83	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
84	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp		
85	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
86	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu		
87	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		
88	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất		
89	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp		
90	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý		
91	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở		
92	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng		
93	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		
94	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	liên với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân		
95	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất		
96	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bỏ sung của Giấy chứng nhận do bị mất		
97	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (xác định lại diện tích đất ở)		
98	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân		
99	DANH MỤC NHÓM TTHC LIÊN THÔNG: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Công bố tại: Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 24/5/2019. <i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã.	Bảo hiểm xã hội cấp huyện.
100	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	UBND cấp xã.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
101	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	binh và Xã hội. - UBND cấp xã. - UBND cấp huyện.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
102	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hướng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
103	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hướng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Quyết định số 150/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh cụ chiến binh	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
104	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hướng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thời việc	- UBND cấp xã. - UBND tỉnh.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
105	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hướng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế		
106	Liên thông đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	UBND cấp xã.	Bảo hiểm xã hội cấp huyện.
107	Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
108	Liên thông đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	- UBND cấp xã. - UBND cấp huyện.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
109	Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
110	Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Quyết định số 150/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh cứu chiến binh	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
111	Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thời việc	- UBND cấp xã. - UBND tỉnh.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
112	Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng	- UBND cấp xã.	Phòng Lao động - Thương

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	<p>hường trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế</p>	<p>- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	<p>binh và Xã hội.</p>
113	<p>DANH MỤC TTHC LIÊN THÔNG: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</p>	<p><i>Công bố tại:</i> Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 15/10/2019. <i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã.</p>	<p>- Công an cấp xã. - Công an thành phố Quảng Ngãi.</p>
114	<p>Liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi</p>	<p>- UBND cấp xã. - Bảo hiểm xã hội cấp huyện. UBND cấp xã.</p>	<p>Bảo hiểm xã hội cấp huyện.</p>

DANH MỤC

Thủ tục hành chính được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công báo số 87VP-KSTTHC ngày 09/02/2021 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)



STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	SỞ NỘI VỤ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Lĩnh vực tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập			
1	Thủ tục về thành lập đơn vị sự nghiệp công lập		Công bố tại: Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 11/12/2017. Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
2	Thủ tục về tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập		- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ.	Văn phòng UBND tỉnh.
	Lĩnh vực hội, tổ chức phi chính phủ			
3	Thủ tục về cho phép thành lập hội quần chúng cấp tỉnh, cấp huyện			
4	Thủ tục về chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện		- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ.	Văn phòng UBND tỉnh.
5	Thủ tục về đổi tên hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện			
6	Thủ tục xin phép đặt văn phòng đại diện của hội có phạm vi hoạt động trong cả nước			

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
7	Thủ tục phê duyệt Điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh		
8	Thủ tục tự giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện		
	Lĩnh vực thi đua - khen thưởng		
9	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh		
10	Tặng Cờ thi đua cấp tỉnh		
11	Tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh		
12	Tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc		
13	Tặng thưởng Bằng khen tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề		
14	Tặng Cờ thi đua cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề		
15	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đột xuất		
16	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh cho gia đình		
17	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đối ngoại		
	Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo		
18	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	<p><i>Công bố tại: Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 10/12/2018.</i></p> <p><i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.</i></p>	<p><i>Công bố tại: Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 12/4/2018.</i></p> <p><i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.</i></p>
		<p>- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nội vụ.</p> <p>Văn phòng UBND tỉnh.</p>	<p>- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.</p> <p>Văn phòng UBND tỉnh.</p>

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
19	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Nội vụ.	
20	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
21	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương		
22	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức		
23	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
24	Thủ tục đăng ký chuyển chuyên chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích		
25	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam		
26	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh		
27	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh		
28	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
29	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		
	SỞ TƯ PHÁP		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Lĩnh vực hành nghề công chứng	Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 11/01/2017. <i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.</i>	
30	Thành lập Văn phòng công chứng		
31	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng		
32	Hợp nhất Văn phòng công chứng		
33	Sáp nhập Văn phòng công chứng		
34	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng		
35	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập		
36	Thành lập Hội công chứng viên	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Văn phòng UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp. - Sở Nội vụ. 	
	Lĩnh vực luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Nội vụ.
37	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn luật sư	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Nội vụ.
38	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư		
39	Giải thể Đoàn luật sư		
	Lĩnh vực giám định tư pháp	Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 11/01/2017.	Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 11/01/2017.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
40	Bỏ nhiệm giám định tư pháp		
41	Miễn nhiệm giám định tư pháp		
42	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND tỉnh.
43	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nội vụ.
44	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp		
	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ		
	Lĩnh vực dự án đầu tư		
45	Thẩm định chủ trương dự án đầu tư công		
46	Thẩm định đề xuất dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư		
47	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
48	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư. 	
	Lĩnh vực đầu thầu		
49	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư công	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND tỉnh.
50	Thẩm định hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu) gói thầu thuộc dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	đầu tư công do UBND tỉnh làm chủ đầu tư	- Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.	nước có liên quan.
51	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuộc dự án đầu tư công do UBND tỉnh làm chủ đầu tư		
52	Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư		
53	Thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư		
54	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư		
55	Thẩm định hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu) trong lựa chọn nhà đầu tư		
56	Thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư		
57	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư		
	Lĩnh vực đầu tư		
58	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)		
59	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư		
60	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
	Lĩnh vực lâm nghiệp	<i>Công bố tại: Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019; Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày</i>	<i>ngày</i>

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<p>14/10/2020.</p> <p><i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.</p>	
61	Chuyển loại rừng đối với Khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập		
62	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)		
63	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác		
64	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND tỉnh.
65	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
66	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý		
67	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh		
68	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		
	Lĩnh vực thủy lợi	<p><i>Công bố tại: Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019.</i></p> <p><i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ</i></p>	

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
69	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Nuôi trồng thủy sản; Nô mìn và các hoạt động gây nô khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
70	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
71	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
72	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	Văn phòng UBND tỉnh.
73	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
74	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
75	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
76	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh		
77	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
78	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
79	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
80	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngăn thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
81	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
82	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
83	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chi giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	lý		
84	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý		
85	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh		
86	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh		
87	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh		
88	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh		
89	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh		
	Lĩnh vực thủy sản		
90	Công bố mở cảng cá loại 2		
	Lĩnh vực Khoa học công nghệ		
		<i>Công bố tại: Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019.</i>	<i>Công bố tại: Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019.</i>
		<i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.</i>	<i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.</i>
		- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh.
		- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
		<i>Công bố tại: Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày</i>	<i>Công bố tại: Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày</i>

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<p><i>01/8/2019.</i></p> <p><i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.</p>	
91	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	Văn phòng UBND tỉnh.
	Lĩnh vực đề điều	<p><i>Công bố tại:</i> Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 26/01/2018.</p> <p><i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.</p>	
92	<p>Thu tục cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều: Cắt xẻ đề để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đề điều; khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đề điều; xây dựng công qua đề; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đề điều, bãi sông, lòng sông; xây dựng công trình ngầm; khoan, đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi 1 kilômét tính từ biên ngoài của phạm vi bảo vệ đề điều; sử dụng đề, kè bảo vệ đề, cống qua đề làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng; nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đề điều</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	Văn phòng UBND tỉnh.
93	Thu tục cấp giấy phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều: Để vật liệu, đào ao, giếng ở bãi sông		
94	Thu tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động liên quan đến đề điều		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI		
	Lĩnh vực tài chính ngân hàng	<i>Công bố tại:</i> Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 03/05/2018. <i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
95	Hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính.
	SỞ XÂY DỰNG		
	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng		
96	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng		
97	Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng		
98	Cấp giấy phép quy hoạch		
	Lĩnh vực nhà ở và bất động sản		
99	Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP	<i>Công bố tại:</i> Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 27/9/2017. <i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
100	Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
99	Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP		
101	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP		
102	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư		
	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	<i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực đất đai	<i>Công bố tại:</i> Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 02/8/2017.	
103	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
104	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	Văn phòng UBND tỉnh.
105	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
106	<p>tu; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p> <p>Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức</p>		
	Lĩnh vực môi trường	Công bố tại: Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 03/5/2017.	
107	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	<p>- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Văn phòng UBND tỉnh.</p> <p>- Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.</p>	
108	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản cho trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt		
109	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản cho trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt		
110	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản cho trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt		
111	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản cho trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
112	Thẩm định và phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết		
113	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường chiến lược		
	Lĩnh vực địa chất và khoáng sản	<i>Công bố tại:</i> Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 13/11/2017.	
114	Đầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản		
115	Đầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt		
116	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
117	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản		
118	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản		
119	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản		
120	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản		
121	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản		
122	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản		
123	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản		
124	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản		
125	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.		
126	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		
127	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		

- Cơ quan quyết định:
UBND tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Văn phòng UBND tỉnh.
- Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
128	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		
129	Đóng cửa mỏ khoáng sản		
130	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản		
131	Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình		
	Lĩnh vực biển và hải đảo	Công bố tại: Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 20/5/2016.	
132	Thu hồi khu vực biển		
133	Giao khu vực biển		
134	Gia hạn quyết định giao khu vực biển		
135	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển		
136	Trả lại khu vực biển		
	Lĩnh vực biển và hải đảo (nhận chìm)	Công bố tại: Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 29/8/2017.	
137	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển		
138	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển		
139	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển		
140	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển		
141	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển		
	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Công bố tại: Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 14/11/2019.	

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Lĩnh vực Việc làm - An toàn lao động	- <i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
142	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.	
143	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Văn phòng UBND tỉnh.
	Lĩnh vực bảo trợ xã hội		
144	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội		
145	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	
146	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
147	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Văn phòng UBND tỉnh.
148	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
	Lĩnh vực Lao động - Tiền lương		
149	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Văn phòng UBND tỉnh.
150	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	trương đương, hạng I, hạng II và hạng III)		
151	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh.
152	Gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
153	Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	
154	Thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
155	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động		
	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp		
156	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
157	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực		
158	Cách chức chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
159	Miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh.
160	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	
161	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC hiện thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
162	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
163	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
164	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
165	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực		
166	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận		
167	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài		
168	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
169	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài		
170	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	đầu tư nước ngoài		
171	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận		
172	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận		
	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		
	Lĩnh vực sở hữu trí tuệ	<p>- Công bố tại: Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 23/11/2018.</p> <p>- Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.</p>	
173	Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)		
174	Thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	<p>- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.</p>	<p>Văn phòng UBND tỉnh.</p>
175	Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	<p>- Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.</p>	
176	Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)		
	Lĩnh vực công nghệ		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
177	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu		
178	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu		
179	Mua sáng chế, sáng kiến		
180	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	Văn phòng UBND tỉnh.
181	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ		
182	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ		
183	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ		
	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ		
184	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Tư pháp.
185	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp		
186	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	Văn phòng UBND tỉnh.

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Lĩnh vực quản lý công sản	Công bố tại: Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 30/6/2020. Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
187	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh.
188	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	- Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	
	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Công bố tại: Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 19/11/2020. Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo		
189	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục		
190	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông		
191	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)		
192	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục		
193	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên		
194	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên		
195	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú		
		- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Nội vụ, Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư ...

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
196	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)		
197	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên		
198	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ		
199	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên		
200	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ.
201	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.	
202	Đề nghị miễn giảm học phí cho học sinh trung học phổ thông	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.	- Sở Tài Chính. - UBND huyện, thành phố.
	SỞ Y TẾ		
	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	<i>Công bố tại:</i> Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 31/10/2016. <i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
203	Đề nghị bỏ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	- Cơ quan thực hiện: Sở Y tế;	Sở Tư pháp.
204	Đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	
	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ DUNG QUẤT VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI	<i>Công bố tại:</i> Quyết định số 09/10/2017.	Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<i>Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:</i> Tại Bộ phận Một cửa của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực đầu tư		
205	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh		
206	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu Kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh		
207	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh		
208	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty có phần	Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi.	Các sở, ngành địa phương; Các bộ, ngành trung ương.
209	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty có phần		
210	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty có phần		
211	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty hợp danh		
212	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty hợp danh		
213	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty hợp danh		
214	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện không gắn với thành lập doanh nghiệp và chi nhánh		
215	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện không gắn với thành lập doanh nghiệp và chi nhánh		
216	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện không gắn với thành lập doanh nghiệp và chi nhánh		
217	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty TNHH một thành viên là cá nhân		
218	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty TNHH một thành viên là cá nhân		
219	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty TNHH một thành viên là cá nhân		
220	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên		
221	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên		
222	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên		
223	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty TNHH một thành viên là tổ chức		
224	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty TNHH một thành viên là tổ chức		

STT	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
225	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư tại KKT Dung Quất đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập công ty TNHH một thành viên là tổ chức		
	DANH MỤC NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG: ĐĂNG KÝ KHAI TỬ, XÓA ĐĂNG KÝ THUỜNG TRÚ, HƯỜNG CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT/HỒ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG/HƯỜNG MAI TÁNG PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI	Công bố tại: Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 24/5/2019. Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã.	
226	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	UBND cấp xã.	Công an cấp xã.